

Số: 19/2026/QĐST-DS

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HÀ NỘI

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều: 422, 427, 429, 472, 481 và 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 11 tháng 02 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 65/2026/TLST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2026 về việc tranh chấp hợp đồng thuê tài sản.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Đinh Ngọc T** – sinh năm 1990; Căn cước công dân số 037090xxxxxxx cấp ngày 20/7/2022; Nơi thường trú: Xóm 5, xã L, Ninh Bình; Nơi cư trú: Số 20 hẻm 99/110/100 phố Đ, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Tống Thị Phương D – sinh năm 1994 – Căn cước công dân số 037194xxxxxxx cấp ngày 08/5/2023 và ông Bùi Văn T – sinh năm 2003 – Căn cước công dân số 038203xxxxxxx cấp ngày 15/9/2021; Địa chỉ liên hệ: Phòng 16a, tầng 16, tháp A, tòa nhà B, số 18 đường P, phường T, Thành phố Hà Nội (theo Giấy ủy quyền ngày 20/11/2025 lập tại Văn phòng công chứng Bùi Bảo Chi, Thành phố Hà Nội).

- Bị đơn: Bà **Đào Thúy N** - sinh năm 1971; Căn cước công dân số 001171xxxxxx cấp ngày 15/3/2021; Nơi thường trú: Số 21 hẻm 420/24/7 phố K, phường K, Thành phố Hà Nội.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Đào Thúy N xác nhận còn nợ ông Đinh Ngọc T số tiền 298.685.000 đồng là tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng thuê nhà do hai bên ký kết với nhau vào ngày 15/7/2023.

Bà Đào Thúy N có trách nhiệm thanh toán cho ông Đinh Ngọc T số tiền 298.685.000 đồng theo lộ trình như sau:

- Ngày 15/3/2025: bà Đào Thúy N thanh toán cho ông Đinh Ngọc T số tiền 30.000.000 đồng.

- Ngày 15/4/2025: bà Đào Thúy N thanh toán cho ông Đinh Ngọc T số tiền 30.000.000 đồng.

- Ngày 15/5/2025: bà Đào Thúy N thanh toán cho ông Đinh Ngọc T số tiền 30.000.000 đồng.

- Ngày 15/6/2025: bà Đào Thúy N thanh toán cho ông Đinh Ngọc T số tiền 30.000.000 đồng.

- Ngày 15/7/2025: bà Đào Thúy N thanh toán cho ông Đinh Ngọc T số tiền 30.000.000 đồng.

- Ngày 15/8/2025: bà Đào Thúy N thanh toán cho ông Đinh Ngọc T số tiền 30.000.000 đồng.

- Ngày 15/9/2025: bà Đào Thúy N thanh toán cho ông Đinh Ngọc T số tiền 30.000.000 đồng.

- Ngày 15/10/2025: bà Đào Thúy N thanh toán cho ông Đinh Ngọc T số tiền 30.000.000 đồng.

- Ngày 15/11/2025: bà Đào Thúy N thanh toán cho ông Đinh Ngọc T số tiền 30.000.000 đồng.

- Ngày 15/12/2025: bà Đào Thúy N thanh toán cho ông Đinh Ngọc T số tiền 28.685.000 đồng.

Ngoài yêu cầu trên, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết việc gì khác.

Về án phí: Ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện của các bên đương sự về việc bà Đào Thúy N phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 7.467.000 (bảy triệu, bốn trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng (chưa nộp).

Hoàn trả ông Đinh Ngọc T số tiền 9.960.000 (chín triệu, chín trăm sáu mươi nghìn) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000993 ngày 13/01/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật Ny sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu: hồ sơ vụ án.



THẨM PHÁN

Vũ Lệ Quyên